CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL (HSX: HM

Ngày 30/09/2024	11,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.4%	-3.7%	-6.4%

ROE — Q3/24: 7.5% | +/- YoY ▲ 9.7%

DT thuần — Q3/24: 1,075 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 1.00 ▲ 0.1% | YoY ▲ 384 ▲ 55.6%

DT thuần — 9T 2024: 2,978 tỷ VNĐ | YoY ▲ 631 ▲ 26.9%

LN gộp — Q3/24: 22.8 tỷ VNĐ | QoQ ▼ 2.00 ▼ 8.1% | YoY ▲ 8.80 ▲ 62.8%

LN gộp — 9T 2024: 63.9 tỷ VNĐ | YoY ▲ 7.30 ▲ 12.9%

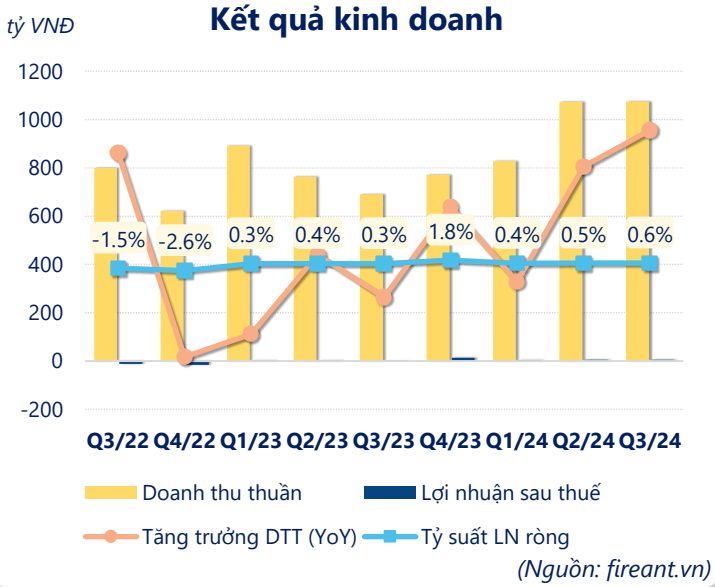
LN thuần — Q3/24: 7.85 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 1.42 ▲ 22.1% | YoY ▲ 4.89 ▲ 165%

LN thuần — 9T 2024: 18.8 tỷ VNĐ | YoY ▲ 9.54 ▲ 103%

LN sau thuế — Q3/24: 6.21 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 0.61 ▲ 10.8% | YoY ▲ 4.18 ▲ 206%

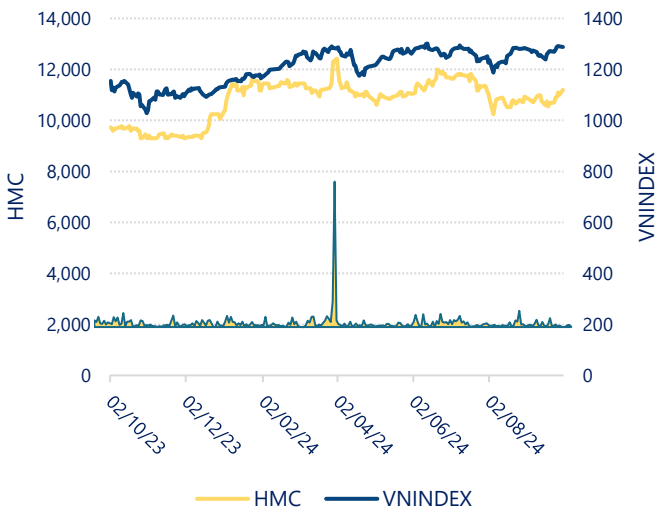
LN sau thuế — 9T 2024: 15.4 tỷ VNĐ | YoY ▲ 8.11 ▲ 111%

Kết quả kinh doanh

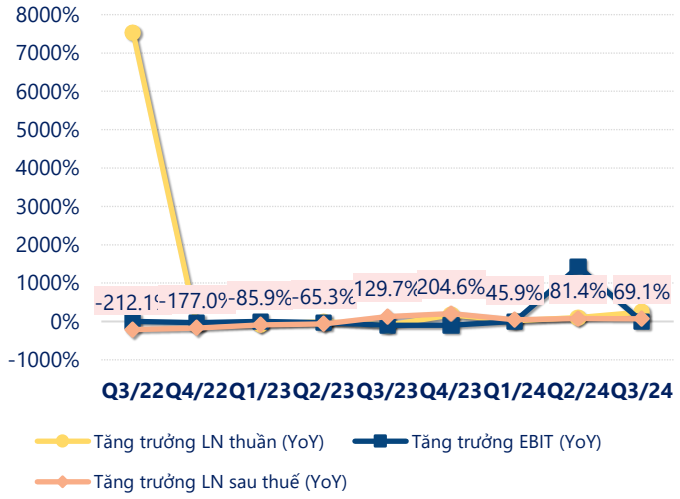


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

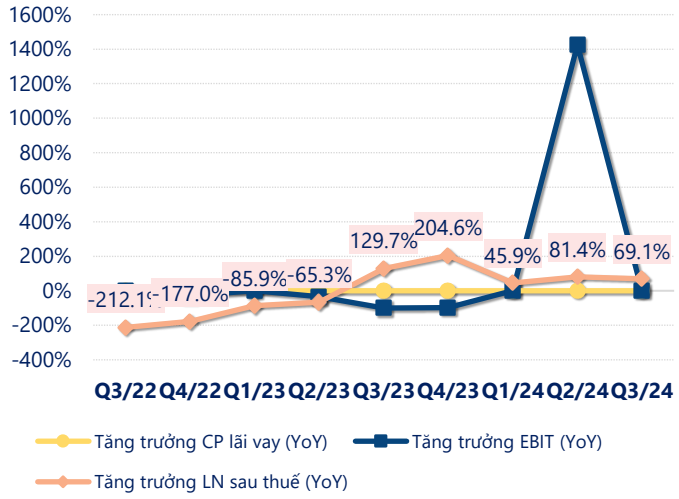


Tăng trưởng lợi nhuận



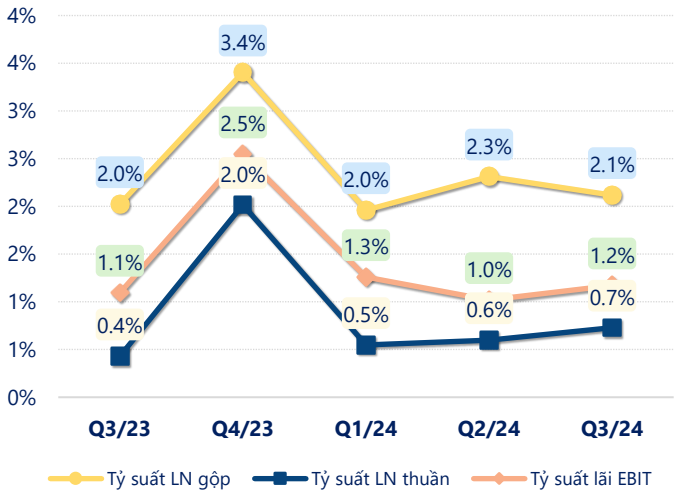
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



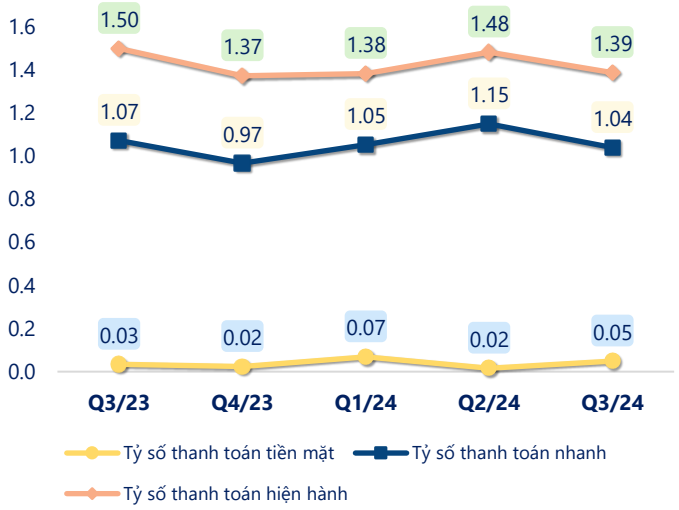
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



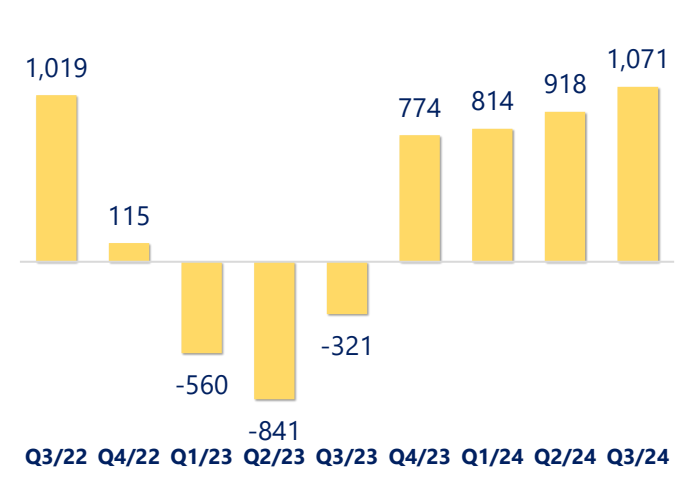
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

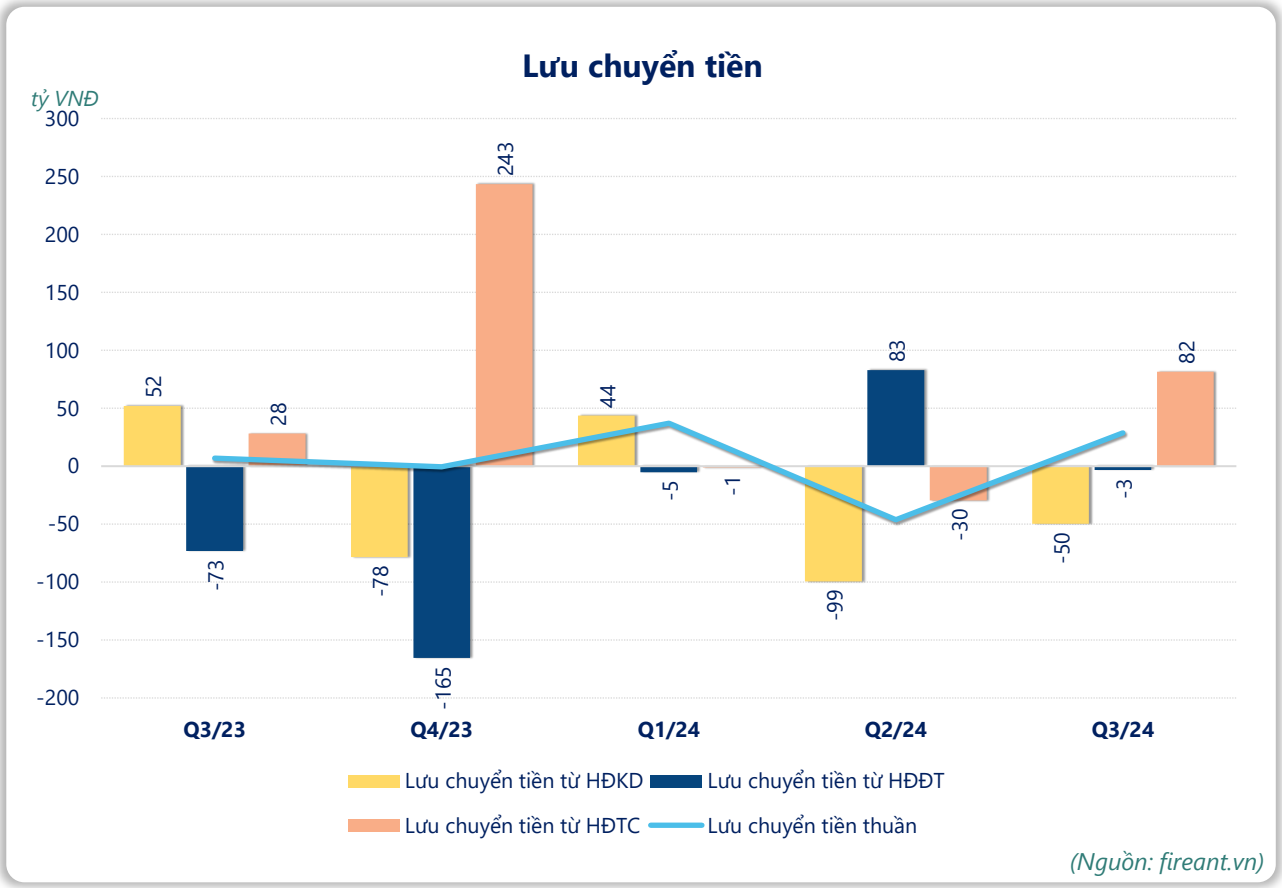
EPS



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,075**	**691**	**55.6%**	**2,978**	**2,347**	**26.9%**
Giá vốn hàng bán	1,052	677	55.4%	2,914	2,291	27.2%
Lợi nhuận gộp	22.8	14.0	62.8%	63.9	56.6	12.9%
Doanh thu HĐTC	8.84	9.06	-2.4%	28.0	22.3	25.4%
Chi phí TC	2.62	6.74	-61.1%	22.4	27.4	-18.2%
Chi phí lãi vay	4.80	4.60	4.3%	14.4	18.0	-20.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	16.4	9.81	67.4%	36.6	31.2	17.6%
Chi phí QLDN	**4.74**	**3.54**	**33.8%**	**14.0**	**11.1**	**26.2%**
LN thuần từ HĐKD	7.85	2.96	165%	18.8	9.26	103%
Lợi nhuận khác	**-0.04**	**0.02**	**-287%**	**0.77**	**0.54**	**41.1%**
LN trước thuế	7.81	2.98	162%	19.6	9.80	99.8%
Lợi nhuận sau thuế	**6.21**	**2.03**	**206%**	**15.4**	**7.29**	**111%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.21**	**2.03**	**206%**	**15.4**	**7.29**	**111%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)